TÒA ÁN NHÂN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ M'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2023
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền Diệu.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mạnh.

2. Bà Cao Thị Hồng Châu.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Ông Dương Hoàng Long – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 202/2023/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1985. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1975. (có mặt)

Cùng địa chỉ: 64 Thôn A, Thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn N1 chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn EaPôk, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk ngày 17/11/2005. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Từ tháng 01/2023 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù N2ều lần ông N1 có đề nghị hàn gắn nhưng hiện tình cảm của tôi dành cho ông N1 không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được, không thể chung sống với nhau nữa. Nguyện vọng của bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Văn N1.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà N và ông N1 có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Linh N2, sinh này 09/9/2006 và cháu Nguyễn Hà Đăng K, sinh ngày 09/04/2010. Do cháu K còn nhỏ nên bà N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hà Đăng K, sinh ngày 09/04/2010 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Thị Linh N2, sinh này 09/9/2006 cho ông N1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu ông Nguyễn Văn N1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N1 trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày: Ông đồng ý với phần trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân, kết hôn, con chung. Tuy nhiên, hiện ông vẫn còn tình cảm với vợ nên mong muốn được đoàn tụ. Nếu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn thì ông đồng ý, về con chung nguyện vọng của hai cháu ở với ai thì người đó chăm sóc, không yêu cầu bà Nhân phảicấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Võ Thị N. Bà Võ Thị N được ly hôn ông Nguyễn Văn N1.

Về con chung: Trên cơ sở nguyện vọng của con chung cũng như ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, giao cháu Nguyễn Thị Linh N2, sinh này 09/9/2006 cho bà Võ Thị N; Giao cháu Nguyễn Hà Đăng K, sinh ngày 09/04/2010 cho ông Nguyễn Văn N1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên đương sự không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Võ Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Võ Thị N yêu cầu được ly hôn, giải quyết nuôi con chung với ông Nguyễn Văn N1 nên quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Trong quá trình tố tụng ông Nguyễn Văn N1 có địa chỉ cư trú tại Thôn A, Thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị N và ông Nguyễn Văn N1 tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ea Pốk, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk ngày 17/11/2005, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa bà Võ Thị N và ông Nguyễn Văn N1 thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Qua quá trình xác minh, nguyên nhân xuất phát từ việc bà N không còn tình cảm với ông N1. Hội đồng xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà N khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn N1 là chính đáng nên cần cho bà Võ Thị N được ly hôn ông Nguyễn Văn N1.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Võ Thị N và ông Nguyễn Văn N1 có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Linh N2, sinh này 09/9/2006 và cháu Nguyễn Hà Đăng K, sinh ngày 09/04/2010. Nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Linh N2, sinh này 09/9/2006 được sống cùng mẹ, còn cháu Nguyễn Hà Đăng K, sinh ngày 09/04/2010 có nguyện vọng đươc sống cùng bố. Trên cơ sở nguyện vọng của hai cháu N2 và K, ý kiến của bà N và ông N1, cũng như điều kiện phát triển về thể chất, tâm sinh lý của các con. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Thị Linh N2, sinh này 09/9/2006 cho bà Võ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hà Đăng K, sinh ngày 09/04/2010 cho ông Nguyễn Văn N1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi là phù hợp hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Về cấp dưỡng: Bà Võ Thị N và ông Nguyễn Văn N1 đều không yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đề cập xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị N và anh Nguyễn Văn N1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị N được ly hôn ông Nguyễn Văn N1

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Linh N2, sinh này 09/9/2006 cho bà Võ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Hà Đăng K, sinh ngày 09/04/2010 cho ông Nguyễn Văn N1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0014330 ngày 25/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM’gar.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M’gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M’gar;
- Các đương sự;
- UBND Thị trấn Ea Pốk;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huyền Diệu